

Số 07/BC-UBND

Hương Mai, ngày 2 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;
Xây dựng và phân bổ dự toán năm 2024
(Trình tại kỳ họp thứ 11 HĐND xã khóa XX ngày 21 tháng 12 năm 2023)

Phần thứ nhất **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023**

Thực hiện Quyết định số 2330/QĐ-UBND ngày 24/12/2022 của UBND huyện Việt Yên về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023; Nghị quyết số 39 /NĐ-HĐND ngày 29/12/2022 của HĐND xã Hương Mai về phân bổ dự toán thu chi ngân sách năm 2023;

UBND xã báo cáo kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC THU NGÂN SÁCH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành thu ngân sách

Ngay từ đầu năm UBND xã đã ban hành kế hoạch về thực hiện thu ngân sách trên địa bàn, đồng thời giao nhiệm vụ cho từng ngành, từng bộ phận liên quan. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tăng cường công tác phối kết hợp với cơ quan thuế cấp trên triển khai thu các sắc thuế, thực hiện thu phí trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

Thường xuyên giao ban, kiểm điểm đánh giá tiến độ thu ngân sách, đánh giá khả năng hoàn thành dự toán, tăng cường công tác quản lý quỹ đất công ích, hoàn thiện hồ sơ khoán thầu đối với diện tích đất công tại các thôn đưa vào khoán thu theo quy định. thực hiện đồng bộ các giải pháp điều hành, quản lý thu, chi, cân đối ngân sách nhà nước địa phương năm 2023

2. Kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2023

Tổng thu ngân sách nhà nước 11 tháng đạt 14. 642 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 2023 đạt 19.717 triệu đồng đạt 135,05% dự toán, giảm 34,24% so cùng kỳ năm trước; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 11 tháng đạt 2.190 triệu đồng, ước thực hiện cả năm đạt 2.254 triệu đồng đạt 23,22% dự toán, giảm 1,28% so cùng kỳ năm trước.

Tổng thu ngân sách xã 11 tháng đạt 13.723 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 2023 đạt 18.774 triệu đồng đạt 276% dự toán, giảm 34,18% so cùng kỳ năm trước; thu ngân sách xã trên địa bàn 11 tháng đạt 1.271 triệu đồng, ước thực hiện cả năm đạt 1.310 triệu đồng đạt 68,6% dự toán, giảm 11,33% so cùng kỳ năm trước.

Thu cân đối ngân sách không tính thu tiền sử dụng đất 11 tháng đạt 1.190 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 2023 đạt 1.237 triệu đồng đạt 117,76% dự toán

Cụ thể ước thực hiện các chỉ tiêu thu ngân sách như sau:
Thu phí, lệ phí: 43.210 triệu đồng, đạt 141,03% dự toán
Thu quỹ đất công ích: 125.519 triệu đồng, đạt 139,47% dự toán
Thu khác: 34.500 triệu đồng, đạt 172,5% dự toán
Thu thuế sử dụng đất PNN: 174.437 triệu đồng, đạt 87,22% dự toán
Thu lệ phí môn bản: 45.222 triệu đồng, đạt 90,44% dự toán
Thu lệ phí trước bạ nhà đất: 52.538 triệu đồng, đạt 26,27% dự toán
Thu thuế giá trị gia tăng: 737.450 triệu đồng, đạt 466,81% dự toán
Thu thuế thu nhập cá nhân: 388.652 triệu đồng, đạt 97,16% dự toán
(Chi tiết kèm biểu 01)

***Đánh giá về công tác thu ngân sách năm 2023:**

Năm 2023 là những tháng gặp nhiều khó khăn ngoài dự báo, nền kinh tế có nhiều biến động, giá cả nguyên vật liệu tăng nhanh, nhu cầu sử dụng lao động giảm, nhiều nhà máy xí nghiệp nghỉ ngắt quãng, người lao động không có việc làm, nguồn thu nhập từ tiền công tiền lương giảm, nguồn thu thuế từ sản xuất kinh doanh giảm, thị trường bất động sản “đóng băng” đã làm ảnh hưởng tới thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

Trước những khó khăn thách thức Đảng ủy, ủy ban luôn quan tâm chỉ đạo, đôn đốc sát sao, các bộ phận phụ trách thu cũng chủ động nêu cao tinh thần trách nhiệm; một số khoản thu có số thu vượt dự toán như phí lệ phí đạt 141,03% dự toán, quỹ đất công ích 5% đạt 139,47%; thu khác đạt 172,5% dự toán; số thu vượt cao là thuế GTGT đạt 466,81% dự toán

Bên cạnh những khoản thu đã đạt kết quả nêu trên, nhìn trung công tác thu ngân sách năm 2023 đạt thấp và hạn chế, tỷ lệ thu được so với dự toán trên các khoản thu không đồng đều, số thu ngân sách từ tiền sử dụng đất đạt 9,2%, thu lệ phí trước bạ nhà đất đạt 26,7%, thu thuế thu nhập doanh nghiệp còn không thực hiện được.

Nguyên nhân của một số khoản thu đạt tỷ lệ thấp là do việc điều chỉnh quy hoạch, hoàn thiện hồ sơ thu hồi, GPMB thực hiện các dự án khu dân cư chưa hoàn thiện, chưa tổ chức đấu giá, thu tiền sử dụng đất.....

II. CÔNG TÁC CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023.

1. Công tác chỉ đạo, điều hành chi ngân sách

Ngay sau khi HĐND xã ban hành Nghị quyết về phân bổ dự toán ngân sách năm 2023, UBND xã đã triển khai tới các bộ phận việc xây dựng kế hoạch chi hoạt động cho phù hợp.

Chi ngân sách xã cơ bản theo dự toán được giao, đáp ứng nhu cầu chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương; nghiệp vụ chuyên môn; chính sách an sinh xã hội; an ninh quốc phòng và các nhiệm vụ cấp thiết. Công tác kiểm soát chi chặt chẽ, đúng chế độ chính sách. thực hiện tiết kiệm hạn chế những nội dung chi không thực sự cần thiết

2. Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách

Tổng chi ngân sách nhà nước 11 tháng đạt 10.226 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 2023 đạt 16.432 triệu đồng đạt 93,27% dự toán

Trong đó

Chi thường xuyên 11 tháng đạt 5.183 triệu đồng, ước thực hiện cả năm đạt 6.768 triệu đồng đạt 95,9% dự toán

Chi đầu tư 11 tháng đạt 5.043 triệu đồng, ước thực hiện cả năm đạt 9.665 triệu đồng đạt 91,52% dự toán.

(Chi tiết kèm biểu 02)

- Chi đầu tư từ nguồn ngân sách huyện không vào ngân sách xã: 3.500 triệu đồng

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Ưu điểm:

Kết quả thu ngân sách tích cực, góp phần đảm bảo cân đối ngân sách, đảm bảo nguồn thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán. Công tác quản lý thu được tăng cường.

Quản lý chi ngân sách chặt chẽ, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên ngay từ dự toán đầu năm và trong quá trình điều hành. Các nhiệm vụ chi ngân sách đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng, phòng chống dịch bệnh, các chính sách an sinh xã hội.

Trình độ quản lý tài chính ngân sách ở cấp xã đã được nâng cao, các xã, thị trấn đã thực hiện điều hành chi ngân sách theo dự toán được giao.

2. Tồn tại, hạn chế

Mặc dù tổng thể thu ngân sách hoàn thành vượt mức dự toán được giao, song một số khoản thu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu ngân sách trên địa bàn không hoàn thành dự toán như: lệ phí trước bạ nhà đất đạt 26,7% dự toán; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 87,22% dự toán; thuế thu nhập doanh nghiệp còn không thực hiện được; thu tiền sử dụng đất đạt 9,2% dự toán

Nguồn thu ngân sách chưa thực sự bền vững, còn phụ thuộc nhiều vào thu tiền sử dụng đất. Quản lý nguồn thu thuế từ các hộ kinh doanh gặp khó khăn.

Việc xây dựng và phân bổ dự toán đầu năm cơ bản mới căn cứ vào định mức, chế độ, chưa dự báo được hết nhiệm vụ phát sinh, nên trong quá trình điều hành ngân sách còn phải điều chỉnh, bổ sung.

Công tác giám đốc tài chính chưa được thường xuyên, việc chấp chế độ, định mức của một số bộ phận còn chưa tự giác, còn tình trạng chi vượt định mức quy định, nội dung không chưa đúng với thực tế

Phần thứ 2

XÂY DỰNG DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2023, kế hoạch tài chính NSNN 03 năm 2023-2025; Công văn số 1909/STC-QLNS ngày 18/7/2023 của Sở Tài chính về việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025; Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang phân cấp ngân sách các cấp

chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025. Trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023;

Căn cứ vào Quyết định số/QĐ-UBND ngày/12/2023 của UBND huyện Việt Yên về việc giao chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2024; phân bổ dự toán thu chi ngân sách trên địa bàn xã Hương Mai năm 2024

UBND xã Hương Mai xây dựng dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 trình HĐND xã tại kỳ họp thứ 11 khoá 20 nhiệm kỳ 2021-2026 cụ thể như sau:

I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH

1. Chỉ tiêu thu ngân sách:

Năm 2024 là năm thứ tư thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã, thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2020-2025, là năm thứ hai của thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2023 - 2025.

Việc xây dựng dự toán thu năm 2024 được xây dựng theo đúng quy định của Luật ngân sách; đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; xây dựng dự toán thu ngân sách trên tinh thần tích cực, tính đúng, tính đủ theo quy định và chính sách thu hiện hành; đảm bảo không thấp hơn dự toán thu ngân sách huyện giao về tổng số và chi tiết các chỉ tiêu thu ngân sách.

Tổng thu ngân sách năm 2024: 6.268 triệu đồng

Trong đó:

- Thu ngân sách xã trên địa bàn không tính thu tiền SDD: 1.350 triệu đồng chi tiết cụ thể như sau:

+ Thu thuế giá trị gia tăng: 300 triệu đồng

+ Thu thuế TN từ sản xuất kinh doanh: 100 triệu đồng

+ Thu thuế TN từ chuyển nhượng: 200 triệu đồng

+ Thu lệ phí trước bạ: 50 triệu đồng

+ Thu lệ phí môn bài: 50 triệu đồng

+ Thu phí lệ phí: 50 triệu đồng

+ Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 200 triệu đồng

+ Thu tại xã: 400 triệu đồng. Trong đó: Thu đất công ích 200 triệu đồng, thu khác 200 triệu đồng

- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 4.237 triệu đồng gồm:

+ Thu bổ sung cân đối: 3.856 triệu đồng

+ Thu bổ sung mục tiêu: 381 triệu đồng

- Thu từ nguồn cải cách tiền lương: 681 triệu đồng

(Chi tiết kèm biểu 03)

II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH:

1. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi ngân sách

Theo Luật ngân sách (sửa đổi) năm 2015; thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 do vậy việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2024 theo định mức Nghị quyết số 46, 47/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ban hành quy định, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Giang.

Dự toán chi đã tính theo định mức và mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/tháng;

Bố trí chi thường xuyên theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức Nghị quyết HĐND tỉnh đã quy định gắn với yêu cầu tiết kiệm triệt để, nâng cao tự chủ, phù hợp với tình hình thực tế đơn vị, chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi theo mức độ cấp thiết, khả năng triển khai các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt. Hạn chế tối đa chi phí tổ chức hội nghị, gặp mặt, lễ kỷ niệm, không bố trí kinh phí làm thêm giờ, kinh phí thuê khoán lao động hợp đồng ngoài biên chế được giao

Ưu tiên cho chính sách an sinh xã hội; quốc phòng, an ninh; hỗ trợ phát triển đối tượng tham gia BHXH tự nguyện

2. Dự toán chi ngân sách

Tổng chi ngân sách: 6.268 triệu đồng

- Chi thường xuyên: 6.268 triệu đồng

Trong đó:

+ Chi cân đối: 5.887 triệu đồng

+ Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 0.381 triệu đồng

(Chi tiết có biểu kèm theo)

III. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN DỰ TOÁN

1. Đối với nhiệm vụ thu:

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo quyết liệt trong công tác quản lý thu ngân sách nhà nước; Nâng cao khả năng dự báo, rà soát, đánh giá, từng chỉ tiêu thu sát khả năng thu; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào NSNN theo pháp luật, phấn đấu hoàn thành vượt dự toán thu thuế được giao ở mức cao nhất để đảm bảo nguồn lực phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế; cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế. Thực hiện kê khai thuế qua mạng, nộp thuế điện tử, nâng cao chất lượng thu nộp NSNN qua các Ngân hàng thương mại.

- Xây dựng và phê duyệt kế hoạch thu tiền sử dụng đất, trong đó nêu cụ thể những nội dung công việc phải thực hiện trong từng tháng, từng quý. Tập trung giải quyết các tồn tại có liên quan đến việc thu hồi đất làm cơ sở cho việc đấu giá, thu tiền sử dụng đất.

- Kết hợp với đội thuế liên xã thực hiện việc rà soát đối tượng nộp thuế, tiếp tục bổ sung các hộ kinh doanh nếu đủ điều kiện đưa vào quản lý thu thuế; điều chỉnh mức thuế khoán của các tổ chức, cá nhân bảo đảm sát với tình hình kinh doanh thực tế;

- Chỉ đạo các bộ phận được giao nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt. Hàng quý UBND xã tổ chức kiểm điểm việc tổ chức thực hiện kế hoạch thu ngân sách.

2. Đối với nhiệm vụ chi

Về chi ngân sách Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tăng cường quản lý, sử dụng có hiệu quả NSNN, đảm bảo chặt chẽ, theo dự toán; tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi trong quá trình chấp hành dự toán; không điều chỉnh dự toán đã giao sau ngày 15/11 hàng năm (trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh dự toán theo quy định tại Điều 52 Luật Ngân sách nhà nước); quản lý chặt chẽ nguồn dự phòng, nguồn tăng thu, nguồn cải cách tiền lương, dành tối thiểu 50% dự phòng để bù đắp hụt thu cân đối ngân sách và các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách.

UBND các xã điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao; căn cứ dự toán được giao xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ bảo đảm dân chủ, công khai và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; chủ động bố trí, sắp xếp các nhiệm vụ chi trong dự toán, không bổ sung ngoài dự toán; ưu tiên các khoản đã được bố trí trong dự toán, trước hết là chi các chính sách chế độ cho cán bộ, đảm bảo hoạt động của các ban ngành đoàn thể; tiết kiệm chi để tạo nguồn xử lý các nhiệm vụ chi cấp thiết phát sinh.

Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi trong quá trình chấp hành dự toán; tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên; giảm mạnh kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết. Các bộ phận sử dụng ngân sách hạn chế tối đa việc tổ chức những hội nghị, hội họp, trong đó: Chủ động cắt giảm những hội nghị, hội họp, tập huấn chưa thực sự cần thiết;

Các ngành phải tự bố trí kinh phí để tổ chức hội nghị trong phạm vi dự toán ngân sách đã được giao hàng năm. Ngân sách xã không bổ sung thêm kinh phí cho các ngành để tổ chức hội nghị ngoài dự toán ngân sách đã được giao hàng năm.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công, quyết toán dự án hoàn thành; tuân thủ nghiêm danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2023, xây dựng và phân bổ dự toán ngân sách xã năm 2024. UBND xã trình HSSND xã xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy - HĐND xã (B/c);
- UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các ngành đoàn thể xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Chiến

I. Báo cáo thực hiện thu 11 tháng, ước thực hiện cả năm 2023



	Dự toán		Thực hiện thu 11 tháng		Ước thực hiện cả năm		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
Tổng số thu	1	2	3	4	5	6	7 = 5/1	8 = 6/2
I. Các khoản thu 100%	14.600.312	6.800.312	14.642.008	13.722.663	19.717.610	18.773.660	135,05	276,07
1. Phí, lệ phí	140.000	140.000	196.648	193.691	205.286	202.329	146,63	144,52
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	30.000	30.000	38.110	38.110	42.310	42.310	141,03	141,03
8. Thu khác	90.000	90.000	121.081	121.081	125.519	125.519	139,47	139,47
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	20.000	20.000	37.457	34.500	37.457	34.500	187,29	172,50
1. Các khoản thu phân chia	9.570.000	1.770.000	1.993.701	1.077.313	2.048.895	1.107.902	21,41	62,59
1.1. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	650.000	450.000	314.894	267.277	324.736	272.198	49,96	60,49
1.2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200.000	200.000	174.437	174.437	174.437	174.437	87,22	87,22
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	50.000	50.000	45.222	45.222	45.222	45.222	90,44	90,44
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất	400.000	200.000	95.234	47.617	105.076	52.538	26,27	26,27
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	8.920.000	1.320.000	1.678.807	810.036	1.724.159	835.704	19,33	63,31
2.1. Thu tiền sử dụng đất	8.000.000	800.000	736.019	73.602	736.019	73.602	9,20	9,20
2.4. Thuế giá trị gia tăng	80.000	80.000	379.767	368.794	384.423	373.450	480,53	466,81
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.000	40.000	3.268		3.268	0	8,17	0,00
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	800.000	400.000	559.753	367.640	600.449	388.652	75,06	97,16
III. Thu chuyển nguồn			4.975.161	4.975.161	4.975.161	4.975.161		
IV. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.890.312	4.890.312	7.476.498	7.476.498	12.488.268	12.488.268	255,37	255,37
1. Bổ sung cân đối ngân sách	4.310.000	4.310.000	3.910.000	3.910.000	4.310.000	4.310.000	100,00	100,00
2. Bổ sung có mục tiêu	580.312	580.312	3.566.498	3.566.498	8.178.268	8.178.268	1.409,29	1.409,29

II. Báo cáo thực hiện chi II tháng, ước thực hiện cả năm 2023



Nội dung	Dự toán				Thực hiện 11 tháng				Ước thực hiện cả năm				So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	3.439.706	3.000.000	439.706	391.307	0	391.307	3.439.706	3.000.000	439.706	100,00	100,00	100,00	93,27	91,52	95,90
1.1. Chi dân quân tự vệ	386.967		386.967	347.168		347.168	386.967		386.967	100,00	100,00	100,00			
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	3.052.739	3.000.000	52.739	44.139		44.139	3.052.739	3.000.000	52.739	100,00	100,00	100,00	97,86	100,00	93,59
4. Chi y tế dân số	179.977	119.977	60.000	136.082	119.977	16.105	176.132	119.977	56.155	97,86	100,00	100,00	97,86	100,00	93,59
5. Chi văn hóa, thông tin	716.833	661.833	55.000	650.347	596.332	54.015	716.833	661.833	55.000	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
6. Chi phát thanh, truyền thanh	55.381		55.381	27.304		27.304	45.304		45.304	81,80	100,00	100,00	81,80		81,80
7. Chi thể dục, thể thao	29.691		29.691	10.500		10.500	25.691		25.691	86,53	100,00	100,00	86,53		86,53
8. Chi bảo vệ môi trường	175.663		175.663	72.422		72.422	122.422		122.422	69,69	100,00	100,00	69,69		69,69
9. Chi các hoạt động kinh tế	3.449.619	2.944.189	505.430	2.135.798	2.094.000	41.798	3.369.010	2.884.942	484.068	97,66	97,99	95,77	97,66	97,99	95,77
9.1. Giao thông	1.160.660	1.100.000	60.660	903.500	894.000	9.500	1.160.000	1.100.000	60.000	99,94	100,00	100,00	99,94	100,00	98,91
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	1.044.770	600.000	444.770	632.298	600.000	32.298	1.024.068	600.000	424.068	98,02	100,00	100,00	98,02	100,00	95,35
9.3. Kiến thiết thị chính	1.244.189	1.244.189		600.000	600.000		1.184.942	1.184.942		95,24	95,24		95,24		
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	8.948.523	3.834.000	5.114.523	6.407.699	2.232.425	4.265.274	8.191.107	2.997.895	5.193.212	91,54	78,19	101,54	91,54	78,19	101,54
10.1. Quản lý Nhà nước	7.353.630	3.834.000	3.519.630	5.105.386	2.232.425	2.872.961	6.496.216	2.997.895	3.498.321	88,34	78,19	99,39	88,34	78,19	99,39
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	594.756		594.756	539.074		539.074	594.756		594.756	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	369.699		369.699	323.700		323.700	369.699		369.699	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	144.767		144.767	121.587		121.587	144.767		144.767	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	149.275		149.275	134.234		134.234	149.275		149.275	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
10.6. Hội Cựu chiến binh	157.800		157.800	117.315		117.315	257.799		257.799	163,37	100,00	163,37	163,37		163,37
10.7. Hội Nông dân	178.596		178.596	156.403		156.403	178.595		178.595	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00

11. Chi cho công tác xã hội	333.000	0	333.000	282.049	0	282.049	323.612	0	323.612	97,18	97,18
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	288.000		288.000	263.772		263.772	288.000		288.000	100,00	100,00
11.3. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	30.000		30.000	15.612		15.612	20.612		20.612	68,71	68,71
12. Chi khác	26.000		26.000	22.540		22.540	22.540		22.540	86,69	86,69
13. Dự phòng	263.000		263.000	0			0		0	0,00	0,00
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau											

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Kèm theo Báo cáo số 307/BC-UBND xã ngày 21/12/2023

ĐVT: 1000 đồng

TT	Chỉ tiêu thu	Dự toán huyện giao	Dự toán HĐND xã giao		Ghi chú
			NSNN	NSX	
A	Thu ngân sách trên địa bàn	1.500.000	1.600.000	1.350.000	
I	Thu do Chi cục thuế quản lý	1.100.000	1.200.000	950.000	
1	Thu thuế ngoài quốc doanh	700.000	800.000	600.000	
1,1	Thuế giá trị gia tăng	200.000	300.000	300.000	
1,2	Thuế thu nhập cá nhân	500.000	500.000	300.000	
	+ Thu từ sản xuất kinh doanh	100.000	100.000	100.000	
	+ Thu từ CN bất động sản	400.000	400.000	200.000	
2	Lệ phí trước bạ	100.000	100.000	50.000	
3	Phí và lệ phí	100.000	100.000	100.000	
	Trong đó: - Lệ phí môn bài	50.000	50.000	50.000	
	- Phí và lệ phí	50.000	50.000	50.000	
4	Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	200.000	200.000	200.000	
II	Thu tại xã	400.000	400.000	400.000	
1	Thu từ quy định công ích 5% và quy định công	50.000	50.000	50.000	
2	Thu khác	350.000	350.000	350.000	
B	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.237.000	4.237.000	4.237.000	
1	Thu bổ sung cân đối	3.856.000	3.856.000	3.856.000	
2	Thu bổ sung mục tiêu	381.000	381.000	381.000	
C	Thu từ nguồn cải cách tiền lương	681.000	681.000	681.000	
D	Thu chuyển nguồn			-	
	Tổng thu ngân sách	6.418.000	6.518.000	6.268.000	

(Tổng thu ngân sách xã bằng chữ: Sáu tỷ, hai trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Kèm theo BCTB CAO số 307/BC-UBND xã ngày 21/12/2023

TT	Nội dung chi	Thành tiền	Ghi chú
A	Tổng chi thường xuyên	6.268.000	
I	Chi cân đối	5.887.384	
1	Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.933.545	
1.1	Chi quản lý nhà nước	3.287.399	
a	Hoạt động HĐND	296.382	
-	Chi lương, phụ cấp	255.690	
	Lương cán bộ HĐND xã	86.184	
	Phụ cấp chức vụ	4.320	
	Phụ cấp công vụ	22.626	
	Phụ cấp đại biểu HĐND	142.560	
-	BHYT ĐB HĐND xã	10.692	
-	Hoạt động của HĐND xã	30.000	
b	Hoạt động UBND xã	2.991.017	
-	Chi lương, phụ cấp, trợ cấp cán bộ xã	1.347.864	
	Lương CB UBND xã + TY, KN	1.013.472	
	Phụ cấp chức vụ	14.040	
	Phụ cấp trách nhiệm	2.160	
	Phụ cấp công vụ	212.112	
	PC cán bộ KCT uỷ ban xã	71.280	
	Trợ cấp bộ phận 1 cửa + Kiểm soát TTHC	20.400	
	Trợ cấp cán bộ trực tiếp dân	14.400	
-	Phụ cấp cán bộ thôn	544.320	
	Phụ cấp trưởng thôn	164.160	
	Phụ cấp phó thôn	112.320	
	Phụ cấp công an viên	112.320	
	Phụ cấp thôn đội trưởng	77.760	
	Phụ cấp y tế, dân số	77.760	
-	Thuê khoán Hợp đồng công việc	83.160	
-	Khoản công tác phí	47.400	
-	Các khoản đóng góp theo lương	375.273	
-	BHXH 17,5%, BHYT 3%, KPCĐ 2%	355.334	
-	Hỗ trợ BHXH cán bộ KCT 14%	18.144	
-	BH thất nghiệp (Thứ y + Khuyến.N)	1.795	
-	Chi hoạt động uỷ ban	392.000	
	Khen thưởng	20.000	
	Chi chè nước	20.000	

	<i>Thanh toán tiền điện</i>	90.000	
	<i>Cước phí điện thoại, in ter net</i>	32.000	
	<i>Văn phòng phẩm, dụng cụ, vật tư VP</i>	30.000	
	<i>Hàng hóa vật tư (Phô tô, tài liệu)</i>	30.000	
	<i>Sách, báo, tạp chí thư viện</i>	20.000	
	<i>Chi sửa chữa máy tính, máy in, mạng</i>	25.000	
	<i>Chi sửa chữa nhỏ UBND xã</i>	25.000	
	<i>Chi bù tiền ăn hội nghị</i>	60.000	
	<i>Chi tiếp khách</i>	40.000	
-	<i>Chi hỗ trợ và chi các hoạt động khác</i>	201.000	
+	<i>Hỗ trợ hoạt động các thôn (từ đất 5%)</i>	150.000	
+	<i>Hỗ trợ hoạt động công tác hòa giải</i>	11.000	
+	<i>Hỗ trợ tổ chức ngày nhà giáo Việt Nam</i>	30.000	
+	<i>Hỗ trợ hoạt động tổ chức hội</i>	10.000	
1.2	<i>Đoàn thanh niên</i>	162.346	
-	<i>Chi lương, phụ cấp</i>	140.346	
	<i>Lương bí thư đoàn xã</i>	64.800	
	<i>Phụ cấp chức vụ bí thư đoàn</i>	3.240	
	<i>Phụ cấp công vụ bí thư đoàn</i>	17.010	
	<i>Phụ cấp phó bí thư đoàn</i>	17.280	
	<i>PC Bí thư chi đoàn thôn L1</i>	19.872	
	<i>PC Bí thư chi đoàn thôn L1</i>	18.144	
-	<i>Chi hoạt động</i>	12.000	
-	<i>Chi Đại hội Hội liên hiệp thanh niên</i>	10.000	
1.3	<i>Hội Liên hiệp phụ nữ xã</i>	161.256	
-	<i>Chi lương, phụ cấp</i>	149.256	
	<i>Lương Chủ tịch hội Phụ nữ</i>	71.928	
	<i>Phụ cấp chức vụ chủ tịch PN</i>	3.240	
	<i>Phụ cấp công vụ chủ tịch PN</i>	18.792	
	<i>PC phó chủ tịch PN</i>	17.280	
	<i>PC chi hội trưởng thôn L1</i>	19.872	
	<i>PC chi hội trưởng thôn L2</i>	18.144	
-	<i>Chi hoạt động hội Phụ nữ</i>	12.000	
1.4	<i>Hội Nông dân xã</i>	157.346	
-	<i>Chi lương, phụ cấp</i>	140.346	
	<i>Lương CT hội Nông dân</i>	64.800	
	<i>Phụ cấp chức vụ chủ tịch ND</i>	3.240	
	<i>Phụ cấp công vụ chủ tịch ND</i>	17.010	
	<i>PC phó chủ tịch ND</i>	17.280	
	<i>PC chi hội trưởng thôn L1</i>	19.872	
	<i>PC chi hội trưởng thôn L2</i>	18.144	
-	<i>Quỹ hỗ trợ Nông dân huyện</i>	5.000	
-	<i>Chi hoạt động hội Nông dân</i>	12.000	

1.5	Hội Cựu chiến binh xã	153.436	
-	Chi lương, phụ cấp	131.436	
	Lương CT hội CCB	57.672	
	Phụ cấp chức vụ chủ tịch CCB	3.240	
	Phụ cấp công vụ chủ tịch CCB	15.228	
	Phụ cấp phó chủ tịch CCB	17.280	
	PC chi hội trưởng thôn L1	19.872	
	PC chi hội trưởng thôn L2	18.144	
-	Chi hoạt động	12.000	
-	Chi Đại hội nghị thi đua CCB cụm	10.000	
1.6	Hoạt động của Đảng	621.272	
-	Chi lương, phụ cấp	565.272	
	Lương CB đảng	165.240	
	Phụ cấp chức vụ	11.880	
	Phụ cấp công vụ	44.280	
	Phụ cấp CBKCT	54.000	
	Chi phụ cấp cấp ủy viên	84.240	
	Phụ cấp bí thư chi bộ	164.160	
	Phụ cấp phó bí thư chi bộ	41.472	
-	Hoạt động của UBKT Đảng ủy	6.000	
-	Chi hoạt động của Đảng	50.000	
1.7	Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã	390.490	
-	Chi lương, phụ cấp	266.490	
	Lương CT UB MTTQ xã	86.184	
	Phụ cấp chức vụ	4.320	
	Phụ cấp công vụ	22.626	
	Phụ cấp Phó CTMTQ+ CT NCT	34.560	
	PC Chi hội Người cao tuổi.	6.480	
	Phụ cấp trưởng ban công tác MTKDC	112.320	
-	Chi hoạt động của Mặt trận	14.000	
-	Chi Đại hội MTTQ xã	30.000	
-	Hoạt động hội CTĐ, hội NCT	18.000	
-	Chi hoạt động đời sống VHKDC	40.000	
-	Hoạt động của Ban thanh tra nhân dân	6.000	
-	Hoạt động Ban giám sát đầu tư cộng đồng	6.000	
-	Chi Đại hội Hội nạn nhân chất độc da cam	10.000	
2	Chi sự nghiệp	480.239	
2.1	Sự nghiệp quốc phòng	122.000	
-	Phụ cấp trách nhiệm cán bộ dân quân	39.693	
-	Chi hoạt động, BDKTQP, Tuyển quân, VC huấn luyện, khen thưởng, báo	82.307	
2.2	Sự nghiệp An ninh	52.739	
2.3	Hoạt động văn hóa thông tin	100.500	

-	Đài truyền thanh xã:	25.500	
-	Hoạt động văn hóa, tuyên truyền	55.000	
-	Chi toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống KDC	20.000	
2.4	Hoạt động thể thao	25.000	
2.5	Trạm Y tế xã - Ban dân số	10.000	
-	Hỗ trợ Trạm Y tế xã	5.000	
-	Hỗ trợ Ban dân số - KHHGD	5.000	
2.6	Chi sự nghiệp kinh tế:	135.000	
-	Hoạt động dịch vụ nông-lâm nghiệp-chăn nuôi-thủy sản	55.000	
-	Sự nghiệp thủy lợi	40.000	
-	Sự nghiệp giao thông	40.000	
2.7	Sự nghiệp môi trường	35.000	
-	Chi hoạt động môi trường	35.000	
3	Chi công tác xã hội	332.600	
-	Chi lương hưu xã + BHYT	282.600	
-	Công tác NCC, nghĩa trang, mộ liệt sỹ	30.000	
-	Chi đối tượng CS và bảo đảm xã hội	20.000	
4	Chi khác	28.000	
5	Chi dự phòng	113.000	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu	380.616	
1	Chi huấn luyện DQ, hội thao (BSMT)	258.312	
2	Chi hỗ trợ kinh phí cho đội trưởng, đội phó đội dân phòng PCCC (BSMT)	122.304	
B	Chi đầu tư:	-	
	Tổng chi ngân sách	6.268.000	

(Tổng chi ngân sách xã bằng chữ: Sáu tỷ, hai trăm sáu mươi tám triệu đồng chẵn)